

Số: 291.1 /TM-CN

Sơn La, ngày 15 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI QUAN TÂM

Kính gửi: Công ty TNHH tư vấn và Xây dựng Thành Đạt Mộc Châu

(Địa chỉ: Tiểu khu 40 – thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La)

Công ty cổ phần cấp nước Sơn La đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu như sau:

1. Gói thầu số 1: Thi công xây dựng dự án: Lắp đặt tuyến ống truyền tải và mạng tuyến ống phân phối khu vực dọc đường tỉnh lộ 105 và bản Pặt Phay xã Dôm Cang, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

2. Gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE DN160mm liên thông Trạm xử lý nước Viện 6 và Trạm xử lý nước Km7 thuộc khu vực phường Quyết Tâm, phường Chiềng Sinh thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà trạm, công tường rào, mái tôn Trạm xử lý nước Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

Nội dung yêu cầu:

Hồ sơ chào giá gồm 2 phần: Kỹ thuật và Tài chính. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được xem xét tài chính, qua đó Chủ đầu tư sẽ lựa chọn Nhà thầu đáp ứng tốt nhất các yêu cầu (kỹ thuật và tài chính được nhà thầu gửi tới bên mời tại cùng thời điểm).

Các nhà thầu trong quá trình chào giá muốn làm rõ các vấn đề về hồ sơ chào giá đề nghị liên lạc với Chủ đầu tư: (Đồng chí: Nguyễn Văn Bá – Phó tổng giám đốc Công ty).

Các vấn đề về bổ sung, hiệu chỉnh, Chủ đầu tư chỉ làm việc với Nhà thầu trúng giá để xem xét, quyết định.

1. Yêu cầu về kỹ thuật

- Số năm kinh nghiệm thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước) được thể hiện trong giấy phép đăng ký doanh nghiệp ≥ 03 năm;
- Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ≥ 2 hợp đồng trong vòng 03 năm trở lại đây;
- Cán bộ kỹ thuật của nhà thầu làm việc tại công trường (≥ 3 người): có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp, có hợp đồng lao động hoặc yêu cầu khác nếu chủ đầu tư cần làm rõ;

- Nhà thầu phải lập biện pháp thi công xây dựng, biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường ... phù hợp với gói thầu.
- Nhà thầu phải có bảng kê số lượng, chủng loại máy móc thiết bị phù hợp đưa vào thực hiện gói thầu;
- Yêu cầu tiến độ: theo phê duyệt tiến độ chủ đầu tư đề ra.

2. Yêu cầu về giá

- Giá chào của nhà thầu phải bao gồm đầy đủ các chi phí để thực hiện công việc theo Hồ sơ thiết kế và dự toán được phê duyệt
- Bảng chào giá của các nhà thầu phải tuân thủ theo bảng khối lượng mời chào giá đính kèm theo thư chào giá.

3. Các yêu cầu khác

Bên chào giá mời tất cả các đơn vị có khả năng và quan tâm dự án, đến kiểm tra hiện trường và gửi hồ theo địa chỉ:

- Nơi nhận: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- Địa chỉ: Số 55, Tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Số điện thoại liên hệ: Ông Nguyễn Văn Bá : 0914.334.068

4. Hồ sơ mời chào giá bao gồm:

- Thư mời chào hàng cạnh tranh (được gửi trực tiếp đến các nhà thầu)
- Hồ sơ thiết kế + bản vẽ (Tải trên trang Web của Công ty theo đường link <https://capnuocsonla.vn/>)
- Bảng khối lượng mời chào giá (được gửi trực tiếp đến các nhà thầu)
- Hồ sơ Yêu cầu (Tải trên trang Web của Công ty theo đường link <https://capnuocsonla.vn/>)

5. Thời hạn nộp hồ sơ chào giá

Thời hạn nộp hồ sơ chào giá trước 16h00 ngày 22/5/2025

Công ty cổ phần cấp nước Sơn la kính mời các đơn vị quan tâm nộp hồ sơ chào giá theo thời gian và địa điểm đã nêu.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; Ban QLDA(Cty).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quyết Chiến



BẢNG KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA LẮP ĐẶT TUYẾN ỐNG TRUYỀN TẢI HDPE D160MM ĐẦU THỐNG TRẠM BƠM VIỆN 6 VÀ TRẠM BƠM KM7 THUỘC KHU VỰC PHƯỜNG QUYẾT TÂM, PHƯỜNG CHIỀNG SINH, THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	AK.55110	Tháo dỡ vỉa hè gạch Terrazo (Nc= 0.6)	m2	155.0
2	SE.11213	Cắt mặt đường bê tông Asphan chiều dày lớp cắt <= 7cm	100m	6.20
3	SA.11231	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m3	23.250
4	AB.11503	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <=1m, đất cấp III	m3	77.50
5	AB.13212	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,5 T/m3	m3	71.2702
6	AF.11312	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, M200, PCB30	m3	23.250
7	AK.55110	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM PCB30 M75	m2	77.50
8	AB.11212	Đào xúc đất bằng thủ công, đất cấp II	m3	37.2298
9	AB.41412	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	100m3	0.3723
10	AB.42112	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II	100m3	0.3723
11	BB.46043	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 160mm chiều dày 9,5mm	100m	3.10
12	BB.79143	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 160mm, chiều dày 9,5 mm	bộ	2.0
13	BB.31012	Lắp đặt ống thép đen bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 150mm	100m	0.010
14	BB.73112A	Lắp đặt cút thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính 150mm	cái	2.0
15	BB.83210	Lắp đặt BE đường kính 160mm	cái	1.0
16	BB.83210	Lắp đặt BE đường kính 160mm	cái	1.0
17	BB.87105	Lắp bích thép hàn (lắp ống thép), đường kính ống 150mm	cặp bích	3.0
18	BB.87105	Lắp bích thép rỗng (lắp ống nhựa), đường kính ống 150mm	cặp bích	1.0
19	BB.87105	Lắp bích thép đặc, đường kính ống 150mm	cặp bích	0.50
20	BB.73112A	Lắp đặt tê thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính 150mm (NC=1.5)	cái	1.0
21	BB.41108	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 100mm	100m	0.50
22	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	100m	0.50
23	TT	Vận chuyển vật tư phụ kiện	chuyển	1.0
24	BB.90502	Công tác khử trùng ống nước, đường kính ống 160mm	100m	3.10

25	TT	Xúc xả đường ống (vận tốc 1m/s trong 1h)	m3	72.3456
26	BB.90312	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 160mm	100m	3.10
27	TT	Nước thử áp lực	0	6.2298



BẢNG KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Công trình : Cải tạo, sửa chữa nhà trạm, cổng tường rào, mái tôn trạm xử lý nước Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	NHÀ TRẠM BƠM	0	0.0
1	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	184.0850
2	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	106.4716
3	SA.11821	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	m2	48.8196
4	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=11cm	m3	1.0164
5	SA.11522	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, xi măng láng trên mái	m2	15.40
6	SA.34111	Khoan lỗ sắt, thép dày 5-22mm, lỗ khoan D14 - 27mm, đứng cần	10 lỗ	10.2667
7	AF.61311	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.0157
	0	CHỐNG THẤM MÁI		
8	AE.22113P	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 6m, vữa XM PCB40, cát mịn 1,5-2, M75	m3	1.0164
9	AK.92111	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	m2	21.560
10	AK.42113P	Láng sê nô, mái hắt, máng nước dày 1cm, vữa XM PCB40 M75	m2	30.80
11	AK.25113	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang, vữa XM PCB30 M75	m2	30.80
12	AK.21123P	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	79.830
13	AK.21223P	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	104.2550
14	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	160.6280
15	AK.84222	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	178.1286
16	AK.31130P	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch <= 0,09m2, vữa XM PCB40 M75	m2	31.40
17	BB.41107vd	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	100m	0.160
18	BB.75301vd	Lắp đặt Chếch nhựa PVC miệng bát bằng phương pháp nối gioăng, đường kính 90mm	cái	8.0
19	TT	RỌ CHẮN RẮC D90	CÁI	4.0
	0	CỬA ĐI + CỬA SỔ		
20	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	15.120
21	TT	Khuôn cửa đơn các loại, bằng thép tấm dập định hình dày 2,5ly sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng)	md	42.0

22	TT	Cánh cửa đi, cửa sổ pano kính hèm dập, sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng) Sử dụng thép hộp 30x70x1,2 ly và thép hộp 30x30x1,2 ly, nhôm để + sập, kính trắng dày 5mm	m2	15.120
23	TT	Khóa + quả trùy cửa 2 cánh	bộ	7.0
24	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	44.370
		TỔNG CỘNG: NHÀ TRẠM BƠM		
	*	NHÀ CÔNG VỤ	0	0.0
25	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	129.360
26	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	110.0950
27	SA.11821	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	m2	58.5550
28	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=11cm	m3	1.0560
29	SA.11522	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, xi măng láng trên mái	m2	26.280
30	SA.34111	Khoan lỗ sắt, thép dày 5-22mm, lỗ khoan D14 - 27mm, đứng cần	10 lỗ	10.6667
31	AF.61311	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.0164
	0	CHỐNG THẤM MÁI		
32	AE.22113P	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 6m, vữa XM PCB40, cát mịn 1,5-2, M75	m3	1.0560
33	AK.92111	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	m2	26.280
34	AK.42113P	Láng sê nô, mái hắt, máng nước dày 1cm, vữa XM PCB40 M75	m2	52.560
35	AK.25113	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang, vữa XM PCB30 M75	m2	32.0
36	AK.21123P	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	61.370
37	AK.21223P	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	67.990
38	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	135.5650
39	AK.84222	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	194.440
40	BB.41107vd	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	100m	0.160
41	BB.75301vd	Lắp đặt Chéch nhựa PVC miệng bát bằng phương pháp nối gioăng, đường kính 90mm	cái	8.0
42	TT	RỌ CHẮN RÁC D90	CÁI	4.0
	0	CỬA ĐI + CỬA SỐ		
43	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	9.730
44	SA.11822	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt gỗ	m2	8.260
45	AK.83320	Sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	8.260
46	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2	8.260

47	TT	Khuôn cửa đơn các loại, bằng thép tấm dập định hình dày 2,5ly sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng)	md	1.470
48	TT	Cánh cửa đi, cửa sổ pano kính hèm dập, sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng) Sử dụng thép hộp 30x70x1,2 ly và thép hộp 30x30x1,2 ly, nhôm đế + sập, kính trắng dày 5mm	m2	1.470
49	TT	Khóa + quả trùy cửa 1 cánh	bộ	1.0
		TỔNG CỘNG: NHÀ CÔNG VỤ		
	*	NHÀ ĐIỀU HÀNH	0	0.0
50	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	184.3860
51	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	143.9720
52	SA.11821	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	m2	80.5422
53	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=11cm	m3	1.6456
54	SA.11522	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, xi măng láng trên mái	m2	22.440
55	SA.34111	Khoan lỗ sắt, thép dày 5-22mm, lỗ khoan D14 - 27mm, đứng cần	10 lỗ	12.4667
56	AF.61311	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.0191
	0	CHỐNG THẤM MÁI		
57	AE.22113P	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 6m, vữa XM PCB40, cát mịn 1,5-2, M75	m3	1.6456
58	AK.92111	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	m2	22.440
59	AK.42113P	Láng sê nô, mái hắt, máng nước dày 1cm, vữa XM PCB40 M75	m2	44.880
60	AK.25113	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang, vữa XM PCB30 M75	m2	44.880
61	AK.21123P	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	97.9260
62	AK.21223P	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB40 M75	m2	86.460
63	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	167.2460
64	AK.84222	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	241.6520
65	BB.41107vd	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	100m	0.160
66	BB.75301vd	Lắp đặt Chéch nhựa PVC miệng bát bằng phương pháp nối gioăng, đường kính 90mm	cái	8.0
67	TT	RỌ CHẮN RẮC D90	CÁI	4.0

	0	CỬA ĐI + CỬA SỐ		
68	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	14.760
69	TT	Khuôn đơn cửa đi, cửa sổ + lanh tô thép sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng)	md	42.40
70	TT	Cửa đi pano kính+cửa sổ kính+cửa sổ chớp tôn nan chớp làm bằng thép dày 0,8mm + ô thoáng trên cửa sơn tĩnh điện (đã bao gồm phụ kiện, công lắp dựng) chưa khóaĐổ cửa, cánh cửa được làm từ tổ hợp thép hộp định hình 30x70x1,2 và thép hộp 30x30x1,2 có dập hèm để lồng kính trắng dày 5mm, huỳnh 2 mặt dập nổi thép bản dày 8mm	m2	14.760
71	TT	Khoá quả chùy cửa đi + chốt khóa cửa đi	bộ	8.0
		TỔNG CỘNG: NHÀ ĐIỀU HÀNH		
	*	CÔNG TƯỜNG RÀO, BỂ CHỨA, BỂ LẮNG MEN	0	0.0
72	SA.11824	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	m2	121.2340
73	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	121.2340
	0	bằng cạo bỏ lớp sơn bể lắng men		
	0	BỂ CHỨA		
74	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	64.50
75	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	68.80
76	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	133.30
	0	cổng		
	0	SON LAI HANG RAO		
77	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	227.920
78	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	227.920
79	TT	Vận chuyển vật liệu đến chân công trình	chuyển	5.0



BẢNG KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: Lắp đặt tuyến ống truyền tải và mạng tuyến ống phân phối khu vực dọc tỉnh lộ 105 và bản Pật Phay thuộc xã Dồm Cang, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	1. ĐƯỜNG ỐNG TRUYỀN TẢI DỌC ĐƯỜNG QL 105	0	0.0
1	BB.46013	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm chiều dày 6,6mm	100m	30.50
2	BB.77209V D	Lắp đặt Cút nhựa HDPE, đường kính 110mm (lắp bằng mang sông)	cái	5.0
3	BB.77209V D	Lắp đặt mang sông nhựa HDPE, đường kính 110mm (lắp bằng mang sông)	cái	5.0
4	BB.77209V D	Lắp đặt Côn nhựa HDPE, đường kính 110-75mm	cái	1.0
5	BB.78113	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 110mm, chiều dày 6,6mm	cái	20.0
		TỔNG CỘNG: 1. ĐƯỜNG ỐNG TRUYỀN TẢI DỌC ĐƯỜNG QL 105		
	*	2. ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI BẢN PẬT PHAY	0	0.0
6	BB.45152	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 50m, đường kính ống 75mm	100m	2.380
7	BB.45151	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 50m, đường kính ống 63mm	100m	21.210
8	BB.45131	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m, đường kính ống 40mm	100m	16.270
9	BB.45121	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 200m, đường kính ống 32mm	100m	2.870
10	BB.45112	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 20mm	100m	10.0
	0	CÚT		
11	BB.75407	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 63mm	cái	7.0
12	BB.75405A	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 40mm	cái	6.0
13	BB.75404A	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 32mm	cái	5.0
14	BB.75402A	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 20mm	cái	300.0
	0	CÔN		
15	BB.75408	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính côn 75-63mm	cái	1.0
16	BB.75407	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính côn 63-40mm	cái	5.0
	0	MANG SÔNG		
17	BB.77208	Lắp đặt măng sông nhựa HDPE, đường kính măng sông 75mm	cái	4.0
18	BB.77207	Lắp đặt măng sông nhựa HDPE, đường kính măng sông 63mm	cái	15.0

19	BB.77205	Lắp đặt măng sông nhựa HDPE, đường kính măng sông 40mm	cái	15.0
20	BB.77204	Lắp đặt măng sông nhựa HDPE, đường kính măng sông 32mm	cái	10.0
21	BB.77202	Lắp đặt măng sông nhựa HDPE, đường kính măng sông 20mm	cái	200.0
	0	TÊ		
22	BB.75408	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính Tê 75-40mm	cái	4.0
23	BB.75407	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính Tê 63-40mm	cái	6.0
24	BB.75405	Lắp đặt TÊ nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 40-32mm	cái	3.0
25	BB.75407	Lắp đặt TÊ nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 63-63mm	cái	4.0
26	BB.75405	Lắp đặt TÊ nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 40-40mm	cái	10.0
	0	ĐẦU BỊT		
27	BB.88107	Lắp nút bịt nhựa nối măng sông, đường kính nút bịt 63mm	cái	3.0
28	BB.88105	Lắp nút bịt nhựa nối măng sông, đường kính nút bịt 40mm	cái	10.0
29	BB.88104	Lắp nút bịt nhựa nối măng sông, đường kính nút bịt 32mm	cái	4.0
30	BB.83501vd	Lắp đai khởi thủy đường kính ống 40-20 mm	cái	30.0
31	BB.83501V D	Lắp đai khởi thủy đường kính ống 63-20mm	cái	50.0
32	BB.86201	Lắp đặt van xả khí, đường kính van 25mm	cái	5.0
		TỔNG CỘNG: 2. ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI BÀN PẶT PHAY		
	*	3. HỐ VAN ĐẦU NỐI D160	0	0.0
33	BB.72302A- vd	Lắp đặt TÊ gang nối bằng phương pháp mặt bích, đường kính 150-100mm	cái	1.0
34	BB.83304	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 160mm	cái	2.0
35	BB.86104	Lắp đặt van mặt bích 2 CHÈU, đường kính van 100mm	cái	1.0
36	BB.85102	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, quy cách đồng hồ <= 100mm	cái	1.0
37	BB.86104	Lắp đặt van mặt bích 1 CHÈU, đường kính van 100mm	cái	1.0
38	BB.83303vd	Lắp đặt mối nối mềm đường kính 110mm	cái	1.0
39	BB.77209vd	Lắp đặt Cút nhựa HDPE, đường kính 110mm (lắp bằng măng sông)	cái	2.0
40	BB.87105	Lắp bích thép, đường kính ống 150mm	cặp bích	2.0
41	BB.87104	Lắp bích thép, đường kính ống 100mm	cặp bích	1.0
		TỔNG CỘNG: 3. HỐ VAN ĐẦU NỐI D160		
	*	4. HỐ VAN BLOCK VÀO BÀN PẶT PAY	0	0.0
42	BB.77208	Lắp đặt măng sông REN NGOÀI nhựa HDPE, đường kính 75-50mm	cái	2.0
43	BB.86604	Lắp đặt van ren 2 CHIỀU, đường kính van 50mm	cái	4.0
44	BB.85101	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, quy cách đồng hồ <= 50mm	cái	1.0
45	BB.86604	Lắp đặt van ren 1 CHIỀU, đường kính van 50mm	cái	1.0
46	BB.75408	Lắp đặt Tê nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính Tê 75-63mm	cái	3.0
47	BB.75407	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 63mm	cái	6.0
		TỔNG CỘNG: 4. HỐ VAN BLOCK VÀO BÀN PẶT PAY		

	*	5. HỒ VAN BLOCK DỌC ĐƯỜNG TL105	0	0.0
48	BB.83503	Lắp đai khởi thuỷ đường kính ống 110-50mm	cái	2.0
49	BB.45141	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 100m, đường kính ống 50mm	100m	0.10
50	BB.77206	Lắp đặt măng sông REN NGOÀI nhựa HDPE, đường kính 50mm	cái	10.0
51	BB.75406A	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính 50mm	cái	6.0
		TỔNG CỘNG: 5. HỒ VAN BLOCK DỌC ĐƯỜNG TL105		
	*	6. THOÁT NƯỚC NHÀ DÂN	0	0.0
52	BB.41201	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp nối gioăng, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 100mm	100m	1.20
53	BB.75301V D	Lắp đặt mang sông PVC miệng bát bằng phương pháp nối gioăng, đường kính côn 100mm	cái	60.0
54	BB.41201	Tháo ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp nối gioăng, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 100mm	100m	1.20
55	BB.75301	Tháo mang sông PVC miệng bát bằng phương pháp nối gioăng, đường kính côn 100mm	cái	60.0
56	BB.83503V D	Lắp đai thép đường kính 110mm	cái	100.0
57	SA.34112	Khoan lỗ sắt, thép dày 5-22mm, lỗ khoan D14 - 27mm, ngang cần	10 lỗ	20.0
58	AI.11131	Gia công thanh V50*4 bằng thép hình	tấn	0.1836
59	SA.34112	Khoan lỗ sắt, thép dày 5-22mm, lỗ khoan D14 - 27mm, ngang cần	10 lỗ	15.0
60	TT	bulong D16	bộ	150.0
61	TT	Vận chuyển vật tư lắp đặt đến chân công trình	Chuyển	5.0
		TỔNG CỘNG: 6. THOÁT NƯỚC NHÀ DÂN		
	*	7. Phần thử áp lực	0	0.0
62	BB.90310	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 100mm	100m	30.50
63	BB.90308	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 75mm	100m	2.380
64	BB.90307	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 65mm	100m	21.210
65	BB.90305	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 40mm	100m	16.270
66	BB.90304	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 32mm	100m	2.870
67	BB.90302	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 20mm	100m	10.0
		TỔNG CỘNG: 7. Phần thử áp lực		
	*	8.XÂY HỒ VAN	0	0.0
	0	HỒ VAN		
68	AB.11443	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp III	m3	7.0282
69	AE.26213	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2, M75	m3	2.5397
70	AK.21223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB30 M75	m2	12.9960
71	AF.81152	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0.0210
72	AG.13231	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0.0873

73	AF.17213	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hồ van, hồ ga, đá 1x2, M250, PCB30	m3	0.3859
74	AF.12513	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lanh tô, mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, đá 1x2, M250, PCB30	m3	0.5542
75	AK.41122	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM PCB30 M50	m2	7.7568
76	AI.11131	Thép bo viền tấm đan V100x100x6.5, V70x70x5	tấn	0.3945
77	AG.41610	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg-200kg bằng cần cẩu	cấu kiện	8.0
		TỔNG CỘNG: 8. XÂY HỒ VAN		
	*	9. PHÁ DỠ, ĐÀO ĐẤT	0	0.0
78	SE.11213	Cắt mặt đường bê tông Asphan chiều dày lớp cắt <= 7cm	100m	63.140
79	AK.55110	THÁO DỠ gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM PCB30 M75	m2	158.0
80	SA.11231	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m3	168.060
81	AB.11503	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III	m3	800.670
82	AB.13212	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,5 T/m3	m3	757.420
83	AB.11212	Đào xúc đất bằng thủ công, đất cấp II	m3	203.40
84	AB.41412	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	100m3	2.0340
		TỔNG CỘNG: 9. PHÁ DỠ, ĐÀO ĐẤT		
	*	10. CÔNG TÁC HOÀN TRẢ	0	0.0
85	AF.11312	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, M200, PCB30	m3	168.060
86	AK.55110	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM PCB30 M75	m2	158.0
87	AD.23242	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa độ bám cao, dày 3cm	100m2	0.20
88	TT	Vận chuyển vật liệu cát, đá, sỏi 5m3/ chuyển	chuyển	43.6956
		TỔNG CỘNG: 10. CÔNG TÁC HOÀN TRẢ		
	*	11. BIỆN PHÁP AN TOÀN GIAO THÔNG	0	0.0
89	TT	Mua cọc tre để làm hàng rào tạm thi công	m	1,590.0
90	TT	Băng cảnh báo làm hàng rào tạm	md	12,480.0
91	TT	Mua đèn báo tín hiệu (Tạm tính mua cho 2 phân đoạn sau đó luân chuyển)	cái	22.80
92	AG.11412	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, PCB30, M200	m3	0.4240
93	AG.31311	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan, tấm chóp	100m2	0.0848
94	AG.42111	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 25kg	1 cấu kiện	795.0
		TỔNG CỘNG: 11. BIỆN PHÁP AN TOÀN GIAO THÔNG		